

Name: .....  
 Date: .../ .../ 20...  
 Class: S9  
 Tel: 034 200 9294  
 Ngày GV giao bài: .....  
 Ngày HS nộp bài: .....



Vocabulary: .....  
 Listening: .....  
 Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 9 – UNIT 1: VIEWS AND VOICES

### VOCABULARY 1

\*Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

#### A. VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1.	<b>interrupt</b> (v)	ngắt lời, làm gián đoạn	11.	<b>creativity</b> (n)	sự sáng tạo
2.	<b>compare</b> (v)	so sánh	12.	<b>problem-solving</b> (n)	giải quyết vấn đề
3.	<b>distract</b> (v)	làm sao nhãng, rối trí	13.	<b>self-analysis</b> (n)	sự lý giải bản thân
4.	<b>be supposed to</b> <b>(be/do something)</b>	có tiếng là, có bốn phận làm gì	14.	<b>social flexibility</b> (n)	sự linh hoạt xã hội
5.	<b>concentrate on</b> <b>= focus on</b> (phr.v)	tập trung vào	15.	<b>sensible</b> (a)	nhạy cảm
6.	<b>tell someone off</b> (phr.v)	khiên trách, mắng mỏ ai đó	16.	<b>brain scan</b> (n)	chụp cắt não
7.	<b>get in trouble for</b>	gặp rắc rối vì	17.	<b>stereotype</b> (n)	khuôn mẫu, định kiến
8.	<b>don't mind</b>	không sao, không bận tâm	18.	<b>terrified</b> (a)	hoảng sợ
9.	<b>ambition</b> (n)	khát vọng, hoài bão	19.	<b>evidence</b> (n)	bằng chứng
10.	<b>communication</b> (n)	giao tiếp	20.	<b>risk assessment</b> (n)	đánh giá rủi ro

\* Note: n = noun: danh từ; a = adjective: tính từ; v = verb: động từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

\* Con thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

#### CAMBRIDGE VOCABULARY

No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	<b>brilliant</b> (a)	rất thông minh, có tài	6	<b>syndicate</b> (n)	công đoàn, nghiệp đoàn
2	<b>take out</b> (phr.v)	lấy ra, đưa ra ngoài	7	<b>precious</b> (a)	quý, quý giá
3	<b>funeral</b> (n)	lễ tang	8	<b>jackpot</b> (n)	giải độc đắc
4	<b>be fed up</b> (a)	mệt mỏi, chán ngấy	9	<b>come in handy</b> (phr.v)	hữu ích, tiện lợi trong một tình huống cụ thể
5	<b>silly</b> (a)	ngờ nghênh, ngớ ngẩn	10	<b>cheer up</b> (phr.v)	phản khởi lên, vui lên

\* Note: n = noun: danh từ; a = adjective : tính từ; phr.v = phrasal verb: cụm động từ.

\* Con thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chỉnh phát âm theo từ điển.

## B. HOMEWORK

### I. Match the words in column A with their definitions in column B.

A	B	Answer
0. <b>creativity</b>	a. evaluating potential risks and determining how to manage or minimize them	0 - b
1. problem-solving	b. <i>the use of skill and imagination to produce something new or to produce art</i>	1 -
2. evidence	c. the process of identifying and finding solutions to challenges or issues	2 -
3. risk assessment	d. the facts, signs or objects that make you believe that something is true	3 -
4. social flexibility	e. a <i>non-invasive</i> ( <i>không xâm lấn</i> ) medical imaging technique that allows <i>visualization</i> ( <i>hình dung, mường tượng</i> ) of the structure or activity of the brain	4 -
5. brain scan	f. the ability to adapt and interact effectively in various social environments and with diverse groups of people	5 -

### II. Fill in the blank with one of the words from the box (one word may not be used). Make changes where necessary.

be supposed to sensible **compare** communication distract get in trouble creativity

0. Let's compare the prices of these two products before making a decision.

- What happened to Marry? I've just seen her and she seemed sad. – Oh, this morning, she for not completing her homework on time.
- I didn't do much last night. The loud music from next door me from studying for my exam.
- Effective is essential in building strong relationships.
- Where is Tom right now? He arrive at the meeting by 3 p.m.
- I think the thing to do is call and ask for directions.

### III. Circling A, B or C to show the underlined parts that need correction and correct them.

0. There are substantial evidence to support the theory. → is

A                    B                    C

1. Marry don't mind if anyone borrows her book for a few days. → doesn't

A                    B                    C

2. Through self-analyse, he discovered his strengths and weaknesses. → self-analysis

A                    B                    C

3. She try to concentrate in reading her book but couldn't. → tries

A                    B                    C

4. The campaign will appear across all communicate channels. → The

A                    B                    C

5. She never achieve her ambitious of becoming a famous writer. → achieved

A                    B                    C

**\*Lưu ý:**

1. Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới 1 dòng để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

**Các con mở link nghe sau bằng máy tính:**

<https://youtu.be/7kMgi4p3xL4?t=1847>

(Từ 30p47s đến 36p28s)

You will hear three people discussing a film they have just seen at the cinema (Wendy, Mrs Turner and Adrian). For questions 24-30, choose the best answer A, B or C.

<p><b>24</b> What did Wendy's mum think of the film?</p> <p>A. It was not her favourite film. B. She loved the film. C. She absolutely hated it.</p>	<p><b>28</b> What do Wendy and her mum disagree about?</p> <p>A. whether or not the film was frightening B. whether or not Wendy covered her eyes C. whether or not the film is P.G. rated.</p>
<p><b>25</b> Adrian mentions doing a course in order to show that</p> <p>A. he wants to change the subject. B. Mrs Turner is wrong about the dinosaurs. C. he knows what he is talking about.</p>	<p><b>29</b> What is it suggested that they do now that the movie has ended?</p> <p>A. to go straight home B. to go for a drink C. to go for dinner</p>
<p><b>26</b> Adrian feels that watching a film at home</p> <p>A. is always better than going to the cinema. B. is not something he wants to do again. C. has advantages and disadvantages.</p>	<p><b>30</b> Adrian doesn't let Mrs Turner drive because</p> <p>A. he enjoys driving. B. she will drink alcohol. C. they could get in trouble.</p>
<p><b>27</b> When Adrian suggests that Wendy was frightened, she</p> <p>A. admits that she felt scared. B. denies that she felt scared. C. complains about the length of the film.</p>	



Listen to these two friends discussing the British national lottery. For questions 24-30, choose the best answer A, B or C.

24. How does the man feel about the lottery?

- A. It is silly but entertaining.
- B. There is nothing good about it.
- C. It is particularly bad for young people.

25. Who can play the national lottery?

- A. anyone older than 18
- B. only 20 million people
- C. anyone

26. Why was this week special for Tina?

- A. She felt lucky.
- B. She went to Camelot.
- C. She had money to spend.

27. What does Tina think the lottery company does with the money it makes?

- A. they keep it
- B. they don't make any money
- C. they give it to charity

28. How often has Barry played the lottery?

- A. never
- B. one time only
- C. once in a while

29. What does Barry's dad's saying mean?

- A. Work for your money.
- B. Try to win the lottery.
- C. It is difficult to win the lottery.

30. What is Tina going to do next week?

- A. buy a lottery ticket
- B. work overtime
- C. not buy a lottery ticket